

# Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Cao đẳng FPT Polytechnic

Trần Thị Hải Yến  
Nguyễn Quang Hà

Trường Cao đẳng FPT Polytechnic - Trường Đại học FPT

Bài viết phân tích các nhân tố có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Cao đẳng FPT Polytechnic, thông qua dữ liệu khảo sát 300 sinh viên của trường. Các nhân tố đó bao gồm: Đặc điểm tính cách của cá nhân; Cảm nhận khát khao kinh doanh; Môi trường giáo dục và cuối cùng là Nhận thức năng lực bản thân. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở lý luận cho các nghiên cứu khác cùng lĩnh vực được thực hiện sau này. Bên cạnh đó nghiên cứu cũng có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với nhà trường trong việc nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên.

## 1. Mở đầu

Khởi nghiệp của sinh viên là một chuỗi hành trình khám phá những ý tưởng biến những nguồn lực hiện tại thành mục tiêu trong tương lai, bởi những ý tưởng được hình thành chủ yếu bởi các bạn trẻ đang là sinh viên đam mê làm giàu, nhiệt huyết và sáng tạo. Nhờ áp dụng tốt những kiến thức học trên nhà trường và sự tận hưởng của internet, nhiều bạn sinh viên đã tận dụng được những lợi thế này để có những dự án khởi nghiệp riêng cho mình và biến dự án đó thành hiện thực để kiếm thêm thu nhập cũng vừa là để học hỏi kinh nghiệm và trải nghiệm trước khi thực sự bước chân vào đời.

Tuy đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về ý định khởi nghiệp của sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng nhưng chưa có công trình nghiên cứu nào về vấn đề này tại Trường Cao đẳng FPT Polytechnic. Vì vậy, bài viết mang đến cho lãnh đạo Trường Cao đẳng FPT Polytechnic nói chung và các trường dạy nghề nói riêng có cái nhìn toàn diện về những yếu tố nào thực sự ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay. Từ đó, lãnh đạo nhà trường có thể đưa ra những định hướng, hỗ trợ phù hợp, giúp sinh viên có được những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết làm hành trang khởi nghiệp sau này.

## 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

Theo MacMilan (1993): “khởi nghiệp là việc cá nhân chấp nhận mọi rủi ro để tạo lập doanh nghiệp mới hoặc mở cửa hàng kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận và làm giàu”. Khởi nghiệp là sự tạo dựng một công việc kinh doanh hay thành lập một doanh nghiệp mới thông qua những ý tưởng kinh doanh sáng tạo, tận dụng được các cơ hội để đạt được sự hài lòng trong việc kinh doanh của chính mình.

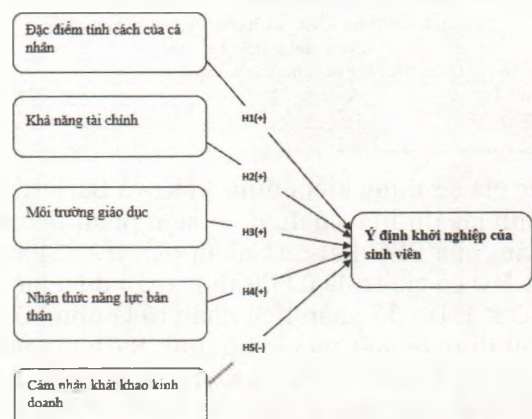
Thuyết sự kiện khởi nghiệp của Shapreon và Sokol (1982), chỉ ra rằng các yếu tố hoàn cảnh cá nhân và thái độ của cá nhân đó đối với việc khởi nghiệp, thể hiện bằng hai khía cạnh là cảm nhận của cá nhân về tính khả thi và cảm nhận của cá nhân về mong muốn khởi nghiệp, sẽ ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn để thành lập một doanh nghiệp của họ.

Thuyết hành vi được lên kế hoạch (TPB) được Ajzen phát triển từ lý thuyết hành vi hợp lý TRA (1975) vào năm 1991. Nhân tố trung tâm trong thuyết hành vi được lên kế hoạch là ý định của cá nhân trong việc thực hiện một hành vi nhất định. Ba yếu tố quyết định cơ bản trong lý thuyết này là thái độ đối với hành vi, tiêu chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi (Ajzen, 2005).

Lý thuyết hành động hợp lý (TRA) được xây dựng từ những năm 1967 và được Ajzen và Fishbein hiệu chỉnh mở rộng vào năm 1975, nhằm giải thích quan hệ giữa thái độ và hành vi trong hành động của con người. Mô hình cho thấy xu hướng tiêu dùng là yếu tố dự đoán tốt nhất về hành vi tiêu dùng. Các cá nhân sẽ hành động dựa vào những kết quả mà họ mong đợi khi thực hiện hành vi đó.

### 2.2. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



Dữ liệu sơ cấp của nghiên cứu này được thu thập bằng tiến hành bằng phương pháp “điều tra xã hội học”. Mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện các bạn sinh viên ở Trường Cao đẳng FPT Polytechnic.

Do hạn chế về mặt thời gian và thông tin nên nhóm tác giả thực hiện việc chọn mẫu theo phương pháp thuận tiện. Đây là phương pháp lấy mẫu dựa trên tính dễ tiếp cận của đối tượng.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Mô tả mẫu nghiên cứu

Về ngành học 23% sinh viên được điều tra là sinh viên chuyên ngành Digital Marketing, 29% thuộc chuyên ngành Marketing and sale và 14% thuộc chuyên ngành Quản trị khách sạn, 18% ngành Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành, 16% là thuộc chuyên ngành Quan hệ công chúng & tổ chức sự kiện. Trong số 300 sinh viên được điều tra, có 82% số sinh viên đã được học môn khởi sự kinh doanh hoặc môn liên quan vấn đề tạo lập doanh nghiệp trong chương trình học chính thức của trường

#### 3.2. Đánh giá độ tin cậy của thang đo trong mô hình nghiên cứu

**Bảng 1. Hệ số Cronbach's Alpha cho các nhóm biến quan sát**

Tên biến	Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
DD	0.818	0.818	5
CN	0.782	0.782	5
GD	0.790	0.790	4
NV	0.806	0.806	3
NT	0.782	0.782	4
YD	0.747	0.747	4

Kết quả kiểm định độ tin cậy của 06 thang đo bao gồm “Đặc điểm tính cách của cá nhân”, “Cảm nhận khát khao kinh doanh”, “Môi trường giáo dục”, “Khả năng tài chính”, “Nhận thức năng lực bản thân” và “Ý định khởi nghiệp sinh viên” bằng hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả phân tích cho thấy các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0.6 đảm bảo thang đo lường có độ tin cậy cao. Bên cạnh đó các thành phần đều có hệ số Cronbach's Alpha thỏa mãn điều kiện theo yêu cầu là lớn hơn 0.3. 3.3. Kết quả kiểm định thang đo của mô hình nghiên cứu

**Bảng 2. Kiểm định KMO và Bartlett's Test biến độc lập**

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.812
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1497.325
	Df	91
	Sig.	.000

Tác giả sử dụng kiểm định KMO và Bartlett's test để đánh giá dữ liệu có đủ điều kiện phân tích nhân tố khám phá EFA. Kết quả phân tích trên SPSS cho thấy KMO có giá trị là 0,809 thỏa mãn điều kiện  $0.5 \leq KMO \leq 1$ . Do đó phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu thực tế. Kết quả kiểm định Bartlett's test có giá trị Sig.= 0.000 < 0.05. Do đó các biến quan sát có tương quan với nhau trong mỗi nhóm nhân tố.

### 2.4. Kết quả hồi quy của mô hình

**Bảng 3. Hệ số hồi quy của mô hình**

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients		t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta				Tolerance	VIF
(Constant)	-0.142	0.155			-0.916	0.360		
DD	0.249	0.034	0.257		7.374	0.000	0.717	1.394
NV	0.031	0.031	0.034		.999	0.319	0.750	1.333
GD	0.056	0.025	0.070		2.219	0.027	0.874	1.144
NT	0.605	0.033	0.636		18.555	0.000	0.744	1.344
CN	0.096	0.036	0.095		2.678	0.008	0.695	1.438

a. Dependent Variable: YD

Ta thấy với độ tin cậy 95% các nhân tố đều có mức ý nghĩa < 0.05, vậy các nhân tố Đặc điểm tính cách của cá nhân, giáo dục khởi nghiệp, Nhận thức năng lực bản thân và Cảm nhận khát khao kinh doanh đều có tương quan với ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Cao đẳng FPT Polytechnic. Ngoài ra hệ số VIF của các nhân tố đều < 2, do đó không có hiện tượng đa cộng tuyến. Dựa vào kết quả này, ta có được phương trình hồi quy tuyến tính như sau:

$$YD = 0.257xDD + 0.034xNV + 0.070xGD + 0.636xNT + 0.095xCN$$

Theo đó mức độ ảnh hưởng tương quan của các nhân tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên được sắp xếp theo thứ tự giảm dần:

Đặc điểm tính cách của cá nhân > Giáo dục khởi nghiệp > Nhận thức năng lực bản thân > Đặc điểm tính cách của cá nhân > Cảm nhận khát khao kinh doanh > Giáo dục khởi nghiệp

**Bảng 4. Kiểm định mức độ giải thích của mô hình**

Model Summary <sup>b</sup>					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.732 <sup>a</sup>	.756	.752	.32732	1.932

a. Predictors: (Constant), CN, GD, NT, DD  
b. Dependent Variable: YD

Theo bảng trên, giá trị hệ số xác định của mô hình: R Squared = 0.752. Như vậy, các biến độc lập của mô hình giải thích được 75.2% cho biến động của biến Ý định khởi nghiệp (YD).

**Bảng 5. Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình**

ANOVA <sup>a</sup>						
Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	97.076	4	24.019	213.546	.000 <sup>b</sup>
	Residual	34.368	295	.113		
	Total	128.464	299			

a. Dependent Variable: YD  
b. Predictors: (Constant), CN, GD, NT, DD

Để kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy tổng thể, ta xem xét đến giá trị F từ bảng phân tích phương sai ANOVA, giá trị F=213.546, giá trị Sig. = 0.000, như vậy mô hình hồi quy tuyến tính là phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được. Như vậy, giá trị hệ số hồi quy chuẩn hóa của các biến cho chúng ta đánh giá được mức độ quan trọng của các nhân tố.

## 4. Kết luận và đề xuất quản trị

### 4.1. Những kết quả nghiên cứu chính

Dựa vào cơ sở lý luận, các mô hình nghiên cứu trong và ngoài nước, nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu với mẫu gồm 300 sinh viên của Trường Cao đẳng FPT Polytechnic và thu được các kết quả sau:

$B1 = 0.257 > 0$  cho biết nhân tố “Đặc điểm tính cách của cá nhân”(DD) có mối quan hệ cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Trường Cao đẳng FPT Polytechnic. Khi Đặc điểm tính cách của cá nhân tăng 1 cấp độ thì ý định khởi nghiệp tăng 0.257 cấp độ, giá trị hệ số hồi quy chuẩn của nhân tố “Đặc điểm tính cách của cá nhân” ảnh hưởng 25.7% đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

$B2 = 0.034 > 0$  cho biết nhân tố “Khả năng tài chính” (KN) có mối quan hệ cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Trường Cao đẳng FPT Polytechnic. Khi mức độ Khả năng tài chính tăng lên 1 cấp độ thì ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng lên 0.034 cấp độ, giá trị hệ số hồi quy chuẩn của nhân tố này ảnh hưởng 34% đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

$B3 = 0.070 > 0$  cho biết nhân tố “Môi trường giáo dục” (GD) có mối quan hệ cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Trường Cao đẳng FPT Polytechnic. Khi mức độ Môi trường giáo dục tăng lên 1 cấp độ thì ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng lên 0.070 cấp độ, giá trị hệ số hồi quy chuẩn của nhân tố này ảnh hưởng 7.0% đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

$B4 = 0.636 > 0$  cho biết nhân tố “Nhận thức năng lực bản thân” (NT) có mối quan hệ cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Trường Cao đẳng FPT Polytechnic. Khi mức độ nhận thức của sinh viên về khởi nghiệp tăng lên 1 cấp độ thì ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng thêm 0.636 cấp độ, giá trị hệ số hồi quy chuẩn của nhân tố NT ảnh hưởng 63.6% đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

$B5 = 0.095 > 0$  cho biết nhân tố “Cảm nhận khát khao kinh doanh” (CN) có mối quan hệ cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Trường Cao đẳng FPT Polytechnic. Khi Cảm nhận khát khao kinh doanh của sinh viên tăng lên 1 cấp độ thì ý thức khởi nghiệp trung bình của sinh viên tăng thêm 9.5 cấp độ, giá trị hệ số hồi quy chuẩn của nhân tố CN ảnh hưởng 9.5% đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

### 4.2. Đề xuất chính sách

Nhóm nhân tố về Đặc điểm tính cách của cá nhân

Đây là nhóm nhân tố có mức độ ảnh hưởng đứng thứ nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Cao đẳng FPT Polytechnic. Các tính cách, kỹ năng, kiến thức cần thiết được vun đắp sẽ tạo động lực để phát triển ý định khởi nghiệp của sinh viên

tại Trường Cao đẳng FPT Polytechnic. Về bản thân, sinh viên cũng cần phải mạnh dạn tham gia nhiều phong trào, hoạt động ngoại khóa để rèn luyện sự tự tin, khả năng lãnh đạo cũng như bản lĩnh vượt qua thách thức.

Nhóm nhân tố về Môi trường giáo dục

Trong đó nội dung chương trình học nên được thiết kế theo hướng vận dụng nhiều hơn là lý thuyết. Giảng viên chính là người khích lệ, động viên tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên. Việc đào tạo này sẽ giúp sinh viên tiếp thu lý thuyết và tạo môi trường trải nghiệm thực tiễn sinh động.

Nhóm nhân tố về Nhận thức năng lực bản thân

Trong nghiên cứu này, nhận thức là yếu tố có tác động lớn nhất đến ý định khởi nghiệp. Điều này có thể thực hiện được khi sinh viên có quyết tâm và sinh viên nắm rõ tất cả các hoạt động cần thiết để khởi nghiệp cũng như chuẩn bị sẵn sàng cho việc khởi nghiệp và họ có niềm tin nếu như cố gắng hết sức họ sẽ khởi nghiệp thành công thì ý định khởi nghiệp sẽ tăng cao

Nhóm nhân tố về Cảm nhận khát khao kinh doanh

Sự khát khao của sinh viên đến từ việc sinh viên sẽ tạo ra ý tưởng khởi nghiệp đối với xã hội. Do đó cần tăng cường ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua nhóm nhân tố về Cảm nhận khát khao kinh doanh, các bài báo, tạp chí giới thiệu về các tấm gương người trẻ khởi nghiệp thành công sẽ giúp SV có thêm sự khát khao và động lực với khởi nghiệp./.

### Tài liệu tham khảo

Ajzen (1991), The theory of planned behavior, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(1), 179–211.

Ajzen và Fishbein (1975), Key drives of Technology Acceptance and use and their effects on purchase intention.

Anna Perry, Telin Chung (2015). Understand attitude-behavior gaps and benefit-behavior connections in Eco-Apparel.

Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam 2018.

Nguyễn Đình Thọ (2012), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, NXB Lao động Xã hội.